**XÂY DỰNG KHUNG KẾ HOẠCH MÔN HỌC VẬT LÍ 8**

Cả năm: 35 tuần (35 tiết)

Học kỳ I: 18 tuần (18 tiết)

Học kỳ II: 17 tuần (17 tiết)

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH VẬT LÍ 8 (Học kì I)**

Mục tiêu:

* Mô tả chuyển động cơ học và tuowmg đối của chuyển động cơ học
* Biết vận tốc là đại lượng biểu diễn sự nhanh chậm của chuyển động
* Biết cách biểu diễn lực bằng vectơ.
* Mô tả sự xuất hiện của lực ma sát, nêu được một số cách làm tăng và giảm ma sát trong đời sống và kĩ thuật.
* Mô tả sự cân bằng lực. Nhận biết được hiện tượng quán tính. Giải thích được một số hiện tượng
* Biết được công thức tính áp suất chất rắn, chất lỏng. giải thích nguyên tắc bình thông nhau.
* Nhận biết và tính được độ lớn lực đẩy Ac – si – mét và giải thích được sự nổi.
* Nắm được khái niệm và công thức về công cơ học, công suất. Nhận biết được sự bảo toàn công trong một loại máy cơ đơn giản.
* Năm được khi nào một vật có động năng, thế năng.
* Nhận biết các chất được cấu tạo từ các phân tử chuyển động không ngừng, mối quan hệ giữa nhiệt độ và chuyển đông.
* Biết nhiệt năng là gì. Nêu được các cách làm thay đổi nhiệt năng.
* Xác định được nhiệt lượng vật này tỏa ra bằng nhiệt lượng vật kia thu vào. Dùng công thức nhiệt lượng và phương trình cân bằng nhiệt để giải những bài tập đơn giản, gần gũi với đời sống thực tế về sự trao đổi nhiệt giữa hai vật.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Bài học/Chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hướng dẫn thực hiện** |
| 1 | Chuyển động cơ học | *Kiến thức:*  - Nêu được dấu hiệu để nhận biết chuyển động cơ  - Nêu được ví dụ về chuyển động cơ.  *Kĩ năng:* Nêu được ví dụ về tính tương đối của chuyển động cơ.  *Thái độ:* Có ý thức tìm hiểu thông tin.  *Phẩm chất*: chăm chỉ,trung thực  *Năng lực*: tư duy, giải quyết vấn đề | - Thực hiện trong 1 tiết |
| 2 | Vận tốc- Chuyển động đều-chuyển động không đều (Bài 2, 3) | *Kiến thức:*  - Nắm vững công thức tính vận tốc và ý nghĩa của khái niệm vận tốc..  - Vận dụng công thức để tính quãng đường, thời gian trong chuyển động.  -Phân biệt được chuyển động đều và chuyển động không đều dựa vào khái niệm tốc độ.  -Xác định được tốc độ trung bình bằng thí nghiệm.  -Tính được tốc độ trung bình của chuyển động không đều.  *Kỹ năng:*  -Biết đổi đơn vị và giải bài tập về v, s, t.  -Nêu được tốc độ trung bình là gì và cách xác định tốc độ trung bình.  *Thái độ:* Tập trung nghiêm túc, hợp tác khi làm thí nghiệm.  *Phẩm chất*: chăm chỉ,trung thực  *Năng lực*: tính toán, tư duy, giải quyết vấn đề | Bài 2, 3 tích hợp thành 1 chủ đề  Lưu ý:  + Khi nói vận tốc là 10 km/h là nói đến độ lớn của vận tốc.  + Tốc độ là độ lớn của vận tốc. Không yêu cầu Hs phân biệt khái niệm vận tốc và tốc độ.  -*Các yêu cầu C4, C5, C6, C7, C8 tự học có hướng dẫn.*  *- TN h3.1 không làm*  *- Bài 3 .Mục III. Vận dụng tự học có hướng dẫn.*  -Bài 2,3 tích hợp với thành một chủ đề.  - Thực hiện trong 2 tiết |
| 3 | Biểu diễn lực | *Kiến thức*:  - Nêu được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ và hướng chuyển động của vật.  *Kỹ năng:*  -Nêu được lực là một đại lượng vectơ.  -Biểu diễn được lực bằng véc tơ.  *Thái độ***:** Phát huy tính chủ động, tích cực của HS.  *Phẩm chất*: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm  *Năng lực*: tính toán, tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác | - Thực hiện trong 1 tiết |
| 4 | Sự cân bằng-Quán tính | *Kiến thức:*  -Nêu được ví dụ về tác dụng của hai lực cân bằng lên một vật đang chuyển động  -Nêu được quán tính của một vật là gì?  *Kĩ năng:* Giải thích được một số hiện tượng thường gặp liên quan đến quán tính.  Thái độ: Phát huy tính chủ động, tích cực của HS.  *Phẩm chất*: chăm chỉ,trung thực  *Năng lực*: tính toán, tư duy, giải quyết vấn đề | TN h 5.3 không làm chỉ lấy kết quả bảng 5.1  - Thực hiện trong 2 tiết |
| 5 | Lực ma sát | *Kiến thức:*Nhận biết thêm về lực ma sát. Bước đầu phân biệt sự xuất hiện ma sát lăn, ma sát trượt, ma sát nghỉ và đặc điểm của mỗi loại này.  *Kĩ năng:* Đề ra được cách làm tăng ma sát có lợi và giảm ma sát có hại trong một số trường hợp cụ thể của đời sống, kĩ thuật.  *Thái độ:* Kể và phân tích được một số hiện tượng về lực ma sát có lợi và có hại.  *Phẩm chất*: chăm chỉ,trung thực  *Năng lực*: tính toán, tư duy, giải quyết vấn đề | GDBVMT  - Thực hiện trong 1 tiết |
| 6 | Áp suất | *Kiến thức:*  *-* Phát biểu được định nghĩa áp lực và áp suất  - Viết công thức tính áp suất, nêu tên và đơn vị từng đại lượng trong công thức  *Kĩ năng:* Làm TN xét mối quan hệ giữa áp suất và hai yếu tố diện tích S và áp lực F  *Thái độ*: Ổn định, chú ý lắng nghe giản bài, hoàn thành được TN  *Phẩm chất*: chăm chỉ,trung thực  *Năng lực*: tính toán, tư duy, giải quyết vấn đề | GDBVMT  - Thực hiện trong 1 tiết |
| 7 | Ôn tập kiểm tra | *Kiến thức:* Giúp Hs nhớ lại kiến thức từ bài 1 đến bài 7.  *Kĩ năng:* Vận dụng kiến thức từ bài 1 đến bài 7 để hoàn thành nội dung ôn tập HKI.  *Phẩm chất:*Trung thực, trách nhiệm  *Năng lực:* Tính toán, tư duy. | - Thực hiện trong 1 tiết |
| 8 | Kiểm tra giữa kì | *Kiến thức:* Đánh giá nhận thức của học sinh từ bài 1 đến bài 7.  *Kĩ năng:* Vận dụng kiến thức từ bài 1 đến bài 7 để hoàn thành nội dung kiểm tra.  *Phẩm chất:*Trung thực, trách nhiệm  *Năng lực:* Tính toán, tư duy. | - Thực hiện trong 1 tiết |
| 9 | Áp suất chất lỏng-Bình thông nhau | *Kiến thức*:  - Mô tả được hiện tượng chứng tỏ áp suất có trong lòng chất lỏng.  - Nếu được công thức tính áp suất chất lỏng.  - Mô tả được hiện tượng chứng tỏ áp suất có trong lòng chất lỏng.  - Nếu được công thức tính áp suất chất lỏng.  *Kĩ năng*:  - Quan sát được các hiện tượng của TN, rút ra nhận xét.  - Quan sát được các hiện tượng của TN, rút ra nhận xét  *Thái độ*: Học sinh tích cực, tập trung trong học tập  *Phẩm chất*: chăm chỉ,trung thực  *Năng lực*: tính toán, tư duy, giải quyết vấn đề , hợp tác. | - GDBVMT  - Thực hiện trong 2 tiết |
| 10 | Áp suất khí quyển | *Kiến thức*:  - Giải thích được sự tồn tại của lớp khí quyển và áp suất khí quyển.  - Giải thích được cách đo áp suất khí quyển của thí nghiệm Tôrixenli và một số hiện tượng đơn giản.  - Hiểu được vì sao áp suất khí quyển thường được tính bằng độ cao của cột thủy ngân và biết đổi từ đơn vị mm/tg sang N/m2  *Kĩ năng:*Biết suy luận, lập luận từ các hiện tượng thực tế và kiến thức để giải thích sự tồn tại của áp suất khí quyển và đo được áp suất khí quyển.  *Thái độ*:Ổn định, tập trung, phát triển tư duy trong học tập  *Phẩm chất*: chăm chỉ,trung thực  *Năng lực*: tính toán, tư duy, giải quyết vấn đề , tự học | - Thí nghiệm 3. Không cần làm.  - Mục II. Hướng dẫn học sinh tự học.  - C10, C11 học sinh không trả lời.  - GDBVMT  - Thực hiện trong 1 tiết |
| 11 | Lực đẩy Acsimet -Thực hành và kiểm tra: Nghiệm lại lực đẩy Acsimet. Sự nổi  (bài 10, 11, 12) | *Kiến thức***:**  **-** Nêu được hiện tượng chứng tỏ sự tồn tại của lực đẩy Ácsimét và viết được công thức tính lực đẩy ácsimét.  - Viết được công thức tính độ lớn của lực đẩy Ácsimét  - Trình bày được nội dung thực hành.  *Kĩ năng***:**  **-** Giải thích được một số hiện tượng có liên quan.  - Biết sử dụng thành thạo lực kế, bình chia độ, bình tràn  Thái độ**:** Tích cực học tập, quan sát thí nghiệm, nghiêm túc, tập trung làm TN.  *Phẩm chất*: chăm chỉ,trung thực  *Năng lực*: tính toán, tư duy, giải quyết vấn đề , hợp tác. | Bài 10, 11, 12 tích hợp thành 1 chủ đề.  TN h10.3 Chỉ mô tả để giải quyết vấn đề.  -Bài 10: Mục III. Vận dụng, các yêu cầu C5, C6, C7 tự học có hướng dẫn  -Bài 12 mục III. Vận dụng hướng dẫn về nhà  -Bài 10,11,12 tích hợp thành một chủ đề.  - GDBVMT  - Thực hiện trong 3 tiết |
| 12 | Ôn tập cuối kì | *Kiến thức:* Giúp Hs nhớ lại kiến thức từ bài 1 đến  bài 12.  *Kĩ năng:* Vận dụng kiến thức từ bài 1 đến bài 12 để hoàn thành nội dung ôn tập HKI.  *Phẩm chất:* Trung thực, trách nhiệm  *Năng lực:* Tính toán, tư duy. | - Thực hiện trong 1 tiết |
| 13 | Kiểm tra cuối kì | *Kiến thức:* Đánh giá nhận thức của học sinh từ bài 1 đến bài 12.  *Kĩ năng:* Vận dụng kiến thức từ bài 1 đến bài 12 để hoàn thành nội dung kiểm tra.  *Phẩm chất:*Trung thực, trách nhiệm.  *Năng lực:* Tính toán, tư duy. | - Thực hiện trong 1 tiết |
|  |  | *Tổng cộng* | *18 tiết* |

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH VẬT LÍ 8 (Học kì II)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | **Bài học/chủ đề** | **Yêu cần đạt KT- KN** | **Hướng dẫn thực hiện** |
| **14** | Công cơ học.  Định luật về công  Công suất  (Bài 13, 14, 15) | *Kiến thức :*  - Biết được dấu hiệu để có công cơ học, lấy các ví dụ minh họa.  - Nêu được các ví dụ trong thực tế để có công cơ học và không có công cơ học  - Phát biểu và biết được công thức tính công cơ học . Nêu được tên các đại lượng và đơn vị của các đại lượng trong công thức  - Phát biểu được định luật về công : lợi bao nhiêu lần về lực thì thiệt bấy nhiêu lần về đường đi.  - Vận dụng được định luật để giải các bài tập về mặt phẳng nghiêng, ròng rọc động.  - Hiểu được công suất là công thực hiện được trong một giây, là đại lượng đặc trưng cho khả năng thực hiện công nhanh hay chậm của con người, con vật hoặc máy móc.  - Viết được công thức tính công suất, biết đơn vị công suất là Oát (W).  *Kĩ năng :*  - Có kỹ năng phân biệt được trường hợp có công cơ học và không có công cơ học .  - Có kỹ năng làm thí nghiệm, nhận xét và rút ra kết luận tổng quát.  - Có kỹ năng làm thí nghiệm, nhận xét và rút ra kết luận tổng quát.  - Có kỹ năng so sánh, khái quát hoá kiến thức.  - Vận dụng công thức tính công và công thức tính công suất để giải các bài tập  *Thái độ*:Ổn định, tập trung, phát triển tư duy trong học tập  *Phẩm chất:* Chăm chỉ, trách nhiệm  *Năng lực:* Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác. Yêu thích môn học và thích thú nghiêm cứu khoa học. | - Bài 13, 14, 15 tích hợp thành 1 chủ đề  - Nội dung các bài thực hiện như SGK.  - Thực hiện trong 3 tiết |
| **15** | Cơ năng | *Kiến thức :*  - Biết: khái niệm cơ năng  - Hiểu: thế năng hấp dẫn, thế năng đàn hồi, động năng; hiểu được thế năng hấp dẫn phụ thuộc vào độ cao của vật so với mặt đất và động năng phụ thuộc vào khối lượng và vận tốc của vật  - Vận dụng: tìm thí dụ cho các khái niệm cơ năng, thế năng, động năng.  *Kĩ năng :*  - Quan sát, giải thích hiện tượng thông qua các kiến thức đã học  *Thái độ*:Ổn định, tập trung, phát triển tư duy trong học tập  *Phẩm chất:* Chăm chỉ, trách nhiệm  *Năng lực:* Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác.-Yêu thích môn học và thích thú nghiêm cứu khoa học, tinh thần làm việc nhóm. | - Nội dung các bài thực hiện như SGK.  - Thực hiện trong 1 tiết |
| **16** | Ôn tập tổng kết chương I:Cơ học | Kiến thức :  *Kiến thức:* Giúp Hs nhớ lại kiến thức từ bài 1 đến bài 16.  *Kĩ năng:* Vận dụng kiến thức từ bài 1 đến bài 12 để hoàn thành nội dung ôn tập HKI.  *Phẩm chất:* Trung thực, trách nhiệm  *Năng lực:* Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác.Yêu thích môn học và thích thú nghiêm cứu khoa học, tinh thần làm việc nhóm | - Nội dung các bài thực hiện như SGK.  - Thực hiện trong 1 tiết |
| **17** | Các chất được cấu tạo như thế nào? Nguyên tử, phân tử chuyển động hay đứng yên?  (Bài 19+20) | *Kiến thức :*  - Biết các chất cấu tạo không liền một khối. giải thích chuyển động Brao; sự chuyển động không ngừng giữa các nguyên tử, phân tử  - Hiểu các vật chất được cấu tạo gián đoạn từ những hạt riêng biệt, giữa chúng có khoảng cách. Hiểu sự chuyển động của phân tử, nguyên tử có liên quan đến nhiệt độ của vật.  - Vận dụng hiểu biết và cấu tạo hạt của vật chất để giải thích một số hiện tượng thực tế đơn giản. Giải thích các hiện tượng khuếch tán.  *Kĩ năng :*  - Làm thí nghiệm và giải thích hiện tượng  - Rèn kỹ năng tư duy, so sánh, giải thích hiện tượng.  *Thái độ*: Chú ý lắng nghe giảng bài, chăm chỉ.  *Phẩm chất:* Chăm chỉ, trách nhiệm  *Năng lực:* Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác.-Yêu thích môn học và thích thú nghiêm cứu khoa học, tinh thần làm việc nhóm | - Tích hợp với Bài 19, 20 thành một chủ đề.  *- Bài 19:Mục II.1. Thí nghiện mô hình: Không làm*  - Bài 20: Mục IV. Vận dụng: Tự học có hướng dẫn  - Thực hiện trong 2 tiết |
| **18** | Ôn tập kiểm tra | *Kiến thức:* Giúp HS nhớ lại các kiến thức đã học từ bài 13 đến bài 20.  *Kĩ năng:* Vận dụng kiến thức từ bài 13 đến bài 20 để giải thích các câu hỏi và bài tập có liên quan đến thực tế.  *Phẩm chất, năng lực:* Trung thực, trách nhiệm | - Thực hiện trong 1 tiết |
| **19** | Kiểm tra giữa kì 2 | *Kiến thức :*  - Kiểm tra kiến thức cơ bản từ bài 13 đến bài 20  Kĩ năng : Hoàn thành bài kiểm tra giữa kì  *- Phẩm chất:* Chăm chỉ, trách nhiệm  *- Năng lực:* Nghiêm túc trong kiểm tra và thi cử | - Thực hiện trong 1 tiết |
| **20** | Nhiệt năng- Các hình thức truyền nhiệt  (Bài 21+22+23) | *Kiến thức :*  **-** Biết: khái niệm nhiệt năng, các cách làm biến đổi nhiệt năng. Định nghĩa nhiệt lượng, đơn vị nhiệt lượng. Dẫn nhiệt là sự truyền nhiệt năng.  - Hiểu: phân biệt giữa nhiệt năng và nhiệt lượng. So sánh tính dẫn nhiệt của các chất rắn, lỏng, khí.  - Vận dụng: giải thích một số hiện tượng liên quan nhiệt năng.  *Kĩ năng :*  - Rèn luyện cho HS vận dụng sự hiểu biết để trả lời C3,C4,C5. Các thao tác thí nghiệm, vận dụng sự hiểu biết để giải các bài tâp C9-C12.  - Quan sát và giải thích hiện tượng  *Phẩm chất:* Chăm chỉ, trách nhiệm  *Năng lực:* Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác.-Yêu thích môn học và thích thú nghiêm cứu khoa học, tinh thần làm việc nhóm | - Tích hợp Bài 21, 22, Bài 23 thành một chủ đề.  - Bài 22: Mục II. Tính dẫn nhiệt của các chất: Tự học có hướng dẫn  - Bài 23 Các yêu cầu vận dụng: Tự học có hướng dẫn  - Thực hiện trong 3 tiết |
| **21** | Nhiệt lượng  (Bài 24+25) | *Kiến thức :*  - Biết: nhiệt lượng vật thu vào để nóng lên phụ thuộc vào khối lượng, nhiệt độ và chất làm vật. Biết bảng nhiệt dung riêng của một số chất. ba nội dung của nguyên lí truyền nhiệt.  - Hiểu được công thức tính nhiệt lượng và các đại lượng trong công thức. Xác định nhiệt lượng cần phải đo những dụng cụ nào. Hiểu và viết được phương trình cân bằng nhiệt cho trường hợp hai vật trao đổi nhiệt với nhau.  *Kĩ năng :*  - Mô tả thí nghiệm và xử lí kết quả ở bảng ghi thí nghiệm. Vận dụng công thức tính nhiệt lượng.  - Áp dụng công thức tính nhiệt lượng khi vật thu vào hoặc tỏa ra nhiệt lượng.  *Phẩm chất:* Chăm chỉ, trách nhiệm  *Năng lực:* Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác.-Yêu thích môn học và thích thú nghiêm cứu khoa học, tinh thần làm việc nhóm | - Tích hợp Bài 24, 25 thành một chủ đề.  - Bài 24: Thí nghiệm hình 24.1, 24.2, 24.3: Không thực hiện. Chỉ yêu cầu học sinh phân tích kết quả thí nghiệm. Mục III. Vận dụng: Tự học có hướng dẫn.  - Bài 25: Mục IV. Vận dụng: Tự học có hướng dẫn.  - Thực hiện trong 2 tiết |
| **22** | Tổng kết chương II:Nhiệt học | *Kiến thức :*  - Ôn tập, hệ thống hoá các kiến thức cơ bản trong chương NHIỆT HỌC  - Trả lời được các câu hỏi ôn tập.  - Làm được các bài tập.  *Kĩ năng :*  - Làm các bài tập  *Phẩm chất:* Chăm chỉ, trách nhiệm  *Năng lực:* Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác. Yêu thích môn học. Tích cực khi ôn các kiến thức cơ bản. | - Thực hiện trong 1 tiết |
| **23** | Ôn tập | *Kiến thức :*  - Ôn tập, hệ thống hoá các kiến thức cơ bản trong chương NHIỆT HỌC  - Trả lời được các câu hỏi ôn tập.  - Làm được các bài tập.  *Kĩ năng :* Làm các bài tập  *Phẩm chất:* Chăm chỉ, trách nhiệm  *Năng lực:* Tự chủ, tự học; giao tiếp, hợp tác. Yêu thích môn học. Tích cực khi ôn các kiến thức cơ bản. | - Thực hiện trong 1 tiết |
| **24** | **Kiểm tra học kỳ II** | *Kiến thức:* Nhớ lại các kiến thức đã học từ bài 12 đến bài 25 để thực hiện bài kiểm tra  Kĩ năng: Hoàn thành bài kiểm tra cuối HKII  *Phẩm chất, năng lực:* Trung thực, trách nhiệm | - Thực hiện trong 1 tiết |
|  |  | *Tổng cộng:* | *17 tiết* |